CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2023/CV-BTK-PHFM *V/v: CBTT về ký Hợp đồng kiểm toán với AASCS*	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.5413.7991

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lu, Hui-Hung

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☑ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHFM trân trọng công bố thông tin về việc ký kết Hợp đồng kiểm toán với tổ chức kiểm toán – Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) ngày 26/06/2023, như sau:

- Hợp đồng kiểm toán về việc Soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ kết thúc tại ngày 30/06/2023 và Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2023 kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Phú Hưng, số 157 HĐKT/TC/2023/AASCS, ký ngày 26/06/2023.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHFM tại: http://phfm.vn/vi/, phần Quan hệ nhà đầu tư, mục Công Bố Thông Tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ đính kèm:
- *Hợp đồng kiểm toán*

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu Ban thư ký.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông LU, HUI-HUNG
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2023

Số: 157 HĐKT/TC/2023/AASCS

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

V/v: Soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ kết thúc tại ngày 30/06/2023 và Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2023 kết thúc tại 31/12/2023 của
Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 05 năm 2012;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện ban hành theo Thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 (gọi tắt "Chuẩn mực Việt Nam 2410");
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan hình thành ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023;
- Căn cứ theo yêu cầu soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính của **Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.**

Hợp đồng kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính ("Hợp đồng") được lập bởi và giữa các bên:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**
(Sau đây gọi tắt là Bên A)
Đại diện là : **Ông LU, HUI - HUNG**
Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
Điện thoại : (028) 5413 7991
Địa chỉ : Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
Mã số thuế : 0102594384
Tài khoản : 0181003450921 tại Vietcombank – CN Nam Sài Gòn

Bên B : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**
(Sau đây gọi tắt là Bên B)
Đại diện là : **Ông ĐỖ KHẮC THANH**
Chức vụ : **Phó Tổng Giám Đốc**
Email : info@aascs.com.vn
Điện thoại : (028)38.205.944 – (028)38.205.947
Fax : (028)38.205.942
Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.
Mã số thuế : 0305011729
Tài khoản : 30277489 (VND) – 30277509 (USD)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn

Sau khi thỏa thuận, hai Bên nhất trí ký Hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

+ Soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Bên A cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2023. Dịch vụ soát xét của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ của Bên A.

+ Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cả năm 2023 của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Bên A.

1.2 Báo cáo tài chính được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

1.3 Việc soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Bên B sẽ thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Bên A theo Chuẩn mực Việt Nam 2410.

1.4 Việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Bên B sẽ kiểm toán Báo cáo tài chính của Bên A theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

1.5 Phương thức thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán được chia làm 02 kỳ (06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm); kỳ kiểm toán 06 tháng đầu năm sẽ phát hành báo cáo soát xét cho Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2023, kỳ kiểm toán 06 tháng cuối năm sẽ phát hành báo cáo kiểm toán cho Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho cả năm 2023, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán và soát xét của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

(a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng.

(b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.

(c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:

(i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

(ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và Bên B yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

(iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán, với điều kiện được sự đồng ý trước bằng văn bản từ người có thẩm quyền của Bên A;

(iv) Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

(d) Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính được kiểm toán, soát xét.

(e) Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

(f) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Đối với dịch vụ soát xét

(a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam 2410 với mục đích tạo cơ sở để Bên B đưa ra kết luận, căn cứ trên kết quả của công việc soát xét, xem liệu có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

(b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính, kế toán và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác để làm giảm đến một mức độ có giới hạn về rủi ro đưa ra kết luận không thích hợp khi thông tin tài chính giữa niên độ còn chứa đựng sai sót trọng yếu và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét Báo cáo tài chính về cơ bản hẹp hơn phạm vi một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

(c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu hay bất thường nào mà Bên B phát hiện được.

Đối với dịch vụ kiểm toán

(a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính xét trên phương diện tổng thể không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Bên A, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quan Báo cáo tài chính ;

(b) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên Bên B sẽ thông báo nhanh nhất tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm chung đối với dịch vụ soát xét và kiểm toán

(a) Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A về nội dung và kế hoạch soát xét và kiểm toán trước ít nhất 05 ngày làm việc, cử kiểm toán viên và các trợ lý có đầy đủ chứng chỉ hành nghề cần thiết, năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét và kiểm toán;

(b) Bên B thực hiện công việc soát xét và kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật về những số liệu, tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bên A mà Bên B thu được trong quá trình soát xét và kiểm toán. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ tất cả các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn thông tin, tài liệu, số liệu... có được trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng này với Bên A cho bất kỳ một Bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, kể cả trong trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan,

hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;

(c) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét và kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Việt Nam 2410, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình Ban Tổng giám đốc của Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO PHÁT HÀNH

3.1 Sau khi kết thúc mỗi kỳ soát xét và kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A: Báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán, gồm bốn (04) bộ bằng tiếng Việt và một (01) bộ bằng tiếng Anh; và Thư quản lý bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

3.2 Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản. Báo cáo soát xét gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam 2410, pháp luật và quy định có liên quan tại từng thời điểm. Báo cáo kiểm toán gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan tại từng thời điểm.

3.3 Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm số lượng Báo cáo, phần Báo cáo in ấn thêm được thanh toán theo chi phí in ấn thực tế.

3.4 Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo soát xét hoặc Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét/kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Bên A sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*)**

Trong đó:

- Kiểm toán Báo cáo tài chính (bao gồm Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc tại ngày 30/06/2023 và Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 kết thúc tại ngày 31/12/2023): 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
- Kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (bao gồm Soát xét Báo cáo tỷ lệ an toán tài chính 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc tại ngày 30/06/2023 và Kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toán tài chính năm 2023 kết thúc tại ngày 31/12/2023): 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Phí dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT.

4.2 Điều khoản thanh toán:

- Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên A sẽ ứng trước cho Bên B 50% giá trị Hợp đồng trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, số tiền còn lại Bên A sẽ thanh toán một lần cho Bên B ngay sau khi Bên B hoàn thành công tác kiểm toán và dự thảo Báo cáo kiểm toán đã được Bên A chấp nhận.
- Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho từng giai đoạn, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.

ĐIỀU 6: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Nếu Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không có lý do chính đáng, không thông báo bằng văn bản cho Bên B tối thiểu trước 05 (năm) ngày làm việc, ngoài trừ sự kiện bất khả kháng hoặc vi

phạm Hợp đồng của Bên B thì Bên A phải thanh toán các khoản phí nhằm bồi thường các tổn thất thực tế cho Bên B và bù đắp thời gian thực tế phát sinh do Bên B thực hiện Hợp đồng cho đến ngày Hợp đồng bị chấm dứt, cụ thể như sau:

- Trường hợp Bên B chưa thực hiện kiểm toán thì Bên A phải chịu khoản phạt tương đương 8% (tám phần trăm) giá trị Hợp đồng.
- Trường hợp Bên B đã tiến hành thực hiện kiểm toán thì Bên A sẽ mất khoản tiền đã tạm ứng cho Bên B (tương ứng 50% giá trị Hợp đồng) và Bên B sẽ xuất hóa đơn tương ứng với khoản tiền này cho Bên A. Nếu Bên A chưa thanh toán khoản tạm ứng trên, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán.

Nếu Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, ngoài trừ sự kiện bất khả kháng hoặc vi phạm Hợp đồng của Bên A, thì Bên B phải hoàn trả tất cả các khoản thanh toán đã nhận được từ Bên A, bồi thường các tổn thất thực tế Bên A phải gánh chịu và khoản phạt tương đương 8% (tám phần trăm) giá trị Hợp đồng, mọi khoản thanh toán nêu trên thực hiện theo yêu cầu của Bên A tại từng thời điểm.

ĐIỀU 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Bất kỳ mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay bất đồng phát sinh giữa các Bên liên quan trong Hợp đồng này hoặc vi phạm Hợp đồng thì trước hết sẽ được hai Bên giải quyết trên tinh thần hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành thì việc tranh chấp đó sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này với số lượng trọng tài viên là ba và địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh. Phán quyết của trọng tài sẽ được xem là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các Bên tham gia ký kết Hợp đồng.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

8.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên.

8.2 Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý Hợp đồng hoặc hai Bên cùng nhất trí chấm dứt Hợp đồng.

8.3 Hợp đồng này được lập thành ba (03) bản tiếng Việt và hai (02) bản tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu. Bên A giữ một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh, Bên B giữ hai (02) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh.

8.4 Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi Bên.

Đại diện Bên A	**Đại diện Bên B**
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG	**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**
LU, HUI-HUNG	**ĐỖ KHẮC THANH**
Tổng Giám đốc	**Phó Tổng Giám đốc**